

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thi

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H; nơi cư trú cuối cùng: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng (đã bị tuyên bố là người mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 12/2018/VDS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A); vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh H kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A vào ngày 11 tháng 01 năm 2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại

thôn T, xã Đ, huyện A. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau trong kinh tế gia đình, dẫn đến bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 01 năm 2014, ông Nguyễn Thanh H đã bỏ đi biệt tích, không để lại địa chỉ, gia đình cũng tìm kiếm nhiều nơi nhưng đều không có kết quả, không ai biết được tin tức gì xác thực về việc ông Nguyễn Thanh H còn sống hay đã chết. Vì vậy bà Phạm Thị L đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A tuyên bố ông Nguyễn Thanh H là người mất tích. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 12/2018/VDS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố ông Nguyễn Thanh H là người mất tích. Nay bà Phạm Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Thị Thảo H1 – sinh ngày 19 tháng 6 năm 2012, con chung hiện đang do bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn bà đề nghị Tòa án giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng và bà không yêu cầu ông Nguyễn Thanh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Bà Phạm Thị L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 12/2018/VDS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố ông Nguyễn Thanh H là người mất tích. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt cho ông Nguyễn Thanh H các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án không có quan điểm của ông Nguyễn Thanh H về việc bà Phạm Thị L xin ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, Điều 51 và khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H; về con chung, căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao con chung Nguyễn Thị Thảo H1 – sinh ngày 19 tháng 6 năm 2012 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do các bên đương sự tự thỏa thuận. Về tài sản: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các bên đương sự, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ

sơ vụ án đã xác định bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh H kết hôn với nhau do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 11 tháng 01 năm 2011. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên từ tháng 01 năm 2014, ông Nguyễn Thanh H đã bỏ đi biệt tích, không để lại địa chỉ, không ai biết được tin tức xác thực về việc ông H còn sống hay đã chết. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 12/2018/VDS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện A đã tuyên bố ông Nguyễn Thanh H là người mất tích. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L, xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

[2] Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Thanh H có 01 con chung Nguyễn Thị Thảo H1 – sinh ngày 19 tháng 6 năm 2012; con chung hiện do bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do ông Nguyễn Thanh H là người bị tuyên bố mất tích nên cần giao con chung cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Ly hôn bà Phạm Thị L có quan điểm không yêu cầu ông Nguyễn Thanh H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, xét thấy quan điểm bà Phạm Thị L là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Do bà Phạm Thị L không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, nếu các bên đương sự có tranh chấp, Tòa án sẽ xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 51, khoản 2 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Thảo H1 – sinh ngày 19 tháng 6 năm 2012 cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung do các bên đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Phạm Thị L đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0015460 ngày 05 tháng 12 năm 2018) nên không phải nộp tiếp.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đ;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch

